

Số: /STTTT-BCVT

Đắk Nông, ngày tháng 01 năm 2025

V/v hướng dẫn thay thế tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- Các DN Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 2305/QĐ-BTTTT ngày 27/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Thay thế các Phụ lục kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (đính kèm);

Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông triển khai thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao thay thế Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo của Công văn số 1042/STTTT-BCVT ngày 03/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông của cấp huyện, cấp xã về nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1. Đối với xã nông thôn mới

- Xã có điểm phục vụ bưu chính;
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet;
- Xã có Đài truyền thanh và cụm loa đến các thôn;
- Xã có ứng dụng thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

(Chi tiết hướng dẫn Phụ lục 1 kèm theo)

2. Đối với xã nông thôn mới nâng cao

- Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân;
- Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh;
- Dịch vụ báo chí truyền thông;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

(Chi tiết hướng dẫn Phụ lục 2 kèm theo)

Trên đây là nội dung hướng dẫn thay thế Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Công văn số 1042/STTTT-BCVT ngày 03/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông. Ngoài ra, các nội dung khác vẫn tiếp tục áp dụng thực hiện như nội dung hướng dẫn tại Công văn số 1042/STTTT-BCVT.

Trong quá trình thực hiện, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các đơn vị khi xem xét tiêu chí thông tin và truyền thông đối với xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 được áp dụng theo hướng dẫn tại **Phụ lục 1** và **Phụ lục 2**. Văn bản này để thay thế cho nội dung Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Công văn số 1042/STTTT-BCVT ngày 03/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông¹./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Công TTĐT của tỉnh;
- Trang TTĐT của Sở;
- Các phòng CNTT, TTBCXB;
- Lưu: VT, BCVT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Ngọc Vinh

¹ Thông tin liên hệ Bà Võ Thị Hồng Thuận, chuyên viên phòng BCVT, Sở Thông tin và Truyền thông.

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN CÁC CHỈ TIÊU THUỘC TIÊU CHÍ THÔNG TIN – TRUYỀN THÔNG TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số /STTTT-BCVT, ngày tháng 01 năm 2025 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Hồ sơ minh chứng
1	Xã có điểm phục vụ bưu chính	a) Về cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. - Có treo biển tên điểm phục vụ. - Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ. - Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc, trừ chủ nhật, ngày lễ, Tết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thực tế tại điểm phục vụ bưu chính các nội dung tiêu chí. - Lập biên bản đánh giá, và tổng hợp các văn bản, giấy tờ liên quan thành lập điểm phục vụ bưu chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của điểm Bưu điện VHX hoặc hợp đồng đối với các điểm phục vụ khác. - Biên bản đánh giá hiện trạng điểm phục vụ bưu chính có đại diện lãnh đạo Bưu điện cấp huyện và đại diện UBND xã xác nhận.
b) Về dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ: + Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg. + Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg. 				

2	Xã có dịch vụ viễn thông và internet	<p>a) Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.</p>	<p>Bảo đảm 100% thôn trên địa bàn xã được phủ sóng thông tin di động 3G/4G.</p> <p>Khu vực trung tâm xã và các thôn lân cận được phủ internet cáp quang.</p> <p>Phấn đấu 100% thôn có internet cáp quang.</p>	<p>UBND xã phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông xác nhận hiện trạng hạ tầng trên địa bàn xã (<i>ghi cụ thể từng thôn</i>) đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông và internet chất lượng đảm bảo theo quy chuẩn hiện hành.</p>	<p>Văn bản đánh giá hiện trạng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã (<i>Mẫu số 01 đính kèm</i>).</p>
		<p>b) Dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành</p>	<p>Dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc áp dụng theo các văn bản hướng dẫn mới nhất.</p>		
3	Xã có dịch vụ truyền thanh và cụm loa đến các thôn	<p>a) Xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>	<p>Xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông là xã có đài truyền thanh đang hoạt động theo một trong các công nghệ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cán bộ đài truyền thanh hoạt động không chuyên trách cấp xã. - Nhật ký đài truyền thanh điện tử trên máy tính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cán bộ đài truyền thanh hoạt động không chuyên trách cấp xã. - Nhật ký đài truyền thanh điện tử trên máy tính.

			<p>24/11/2020 của Bộ Trưởng Bộ TT&TT quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đài truyền thanh có dây. - Đài truyền thanh không dây FM. - Đài truyền thanh có cả dây và không dây FM. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (nếu sử dụng đài truyền thanh FM). - Bảng kê quy mô xã và số lượng cụm loa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (nếu sử dụng đài truyền thanh FM). - Bảng kê quy mô xã và số lượng cụm loa.
		b) Có tối thiểu 70% số thôn trong xã có cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên	<p>Có tối thiểu 70% số thôn trong xã có cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên.</p> <p>Việc xác định “thôn” căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố².</p>		
4	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý,	a) Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%	<p>Trang bị máy tính cá nhân (máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay) cho cán bộ, công chức của xã.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ máy tính/tổng số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%. - Phương pháp đo lường đánh giá: Tỷ lệ (%) = A/B x 100% Trong đó: + A là tổng số máy vi tính được trang bị cán bộ, 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách cán bộ công chức của xã. - Thống kê số lượng máy tính trang bị cho công chức của xã hoặc báo cáo kiểm kê tài sản. - Báo cáo hoặc văn bản thể hiện rõ tỉ lệ máy tính/tổng số cán

² 1. Thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc,... (gọi chung là thôn); thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn..

điều hành			công chức cấp xã để thực hiện hoạt động công vụ. + B là tổng số cán bộ, công chức cấp xã.	bộ, công chức của xã.
b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau:				
	- Hệ thống văn bản quản lý và điều hành.	Thực hiện theo Quyết định 01/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và các văn bản liên quan.	- UBND xã kiểm tra, thống kê trực tiếp trên Hệ thống quản lý văn bản điều hành của tỉnh. - Danh sách cán bộ, công chức được cấp tài khoản. - Kết quả theo dõi của Sở Thông tin và Truyền thông.	Báo cáo của đơn vị và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống.
	- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước.	Thực hiện theo Quyết định 07/2022/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Nông.	- Danh sách cán bộ, công chức được cấp tài khoản. - Kết quả theo dõi của Sở Thông tin và Truyền thông.	Báo cáo của đơn vị và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống.
	- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.	Thực hiện theo Quyết định 04/2019/QĐ-UBND ngày 23/11/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng công	- Danh sách cán bộ, công chức được cấp tài khoản. - Kết quả theo dõi của Sở Thông tin và Truyền thông.	- Báo cáo của đơn vị và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống.

		<p>- Cổng/trang thông tin điện tử thành phần có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>dịch vụ công trực tuyến về Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh Đắk Nông.</p> <p>Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã cung cấp thông tin, dữ liệu của địa phương bằng tiếng Việt trên môi trường mạng. Cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên Trang TTĐT gồm:</p> <p>a) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan, đơn vị, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước.</p> <p>b) Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc được giao chủ trì soạn thảo, trong đó nêu rõ: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về, cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.</p> <p>c) Thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, tích hợp từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, Công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá: Căn cứ quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.</p> <p>Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá các tiêu chí về tên miền; thiết kế giao diện để tìm kiếm thông tin; thông tin được cung cấp trên môi trường mạng đảm bảo theo quy định; Ban biên tập, nhân lực vận hành trang TTĐT.</p> <p>2. Đơn vị/cấp đánh giá: - Cấp tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn</p>	<p>- Giấy xác nhận tên miền (do Sở Thông tin và Truyền thông cấp);</p> <p>- Quyết định thành lập Ban biên tập trang TTĐT.</p> <p>- Danh sách trích ngang cán bộ vận hành.</p> <p>- Văn bản báo cáo đánh giá kết quả hoạt động trang thông tin điện tử của UBND cấp xã.</p> <p>- Văn bản kết luận của đoàn kiểm tra, đánh giá tiêu chí.</p>
--	--	---	--	--	--

		<p>d) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước.</p> <p>đ) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước.</p> <p>e) Báo cáo tài chính năm công khai theo quy định của Luật Kế toán; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của Luật Thống kê; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thông tin về dịch theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.</p> <p>g) Danh mục thông tin phải được công khai, trong đó nêu rõ địa chỉ, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai đối với từng loại thông tin.</p> <p>h) Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải công bố công khai.</p>	<p>vị liên quan đánh giá, kết luận bằng văn bản.</p>	
--	--	---	--	--

PHỤ LỤC 2
HƯỚNG DẪN CÁC TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA
VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số /STTTT-BCVT, ngày tháng 01 năm 2025 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chuẩn đánh giá	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Hồ sơ minh chứng
1	Điểm phục vụ bưu chính	Điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có ít nhất 01 máy tính được kết nối internet và sẵn sàng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi có nhu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân. - Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân (có một số thiết bị liên quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: máy tính, kết nối mạng Internet, máy scan...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thực tế tại điểm phục vụ bưu chính các nội dung tiêu chí. - Lập biên bản đánh giá, và tổng hợp các văn bản, giấy tờ liên quan thành lập điểm phục vụ bưu chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của điểm Bưu điện VHX hoặc hợp đồng đối với các điểm phục vụ khác. - Biên bản đánh giá hiện trạng điểm phục vụ bưu chính có đại diện lãnh đạo Bưu điện cấp huyện và đại diện UBND xã xác nhận; - Giấy chứng nhận liên quan tập huấn dịch vụ công trực tuyến cho nhân viên điểm phục vụ bưu chính.
2	Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Xã có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động	Phương pháp đo lường, đánh giá: $Tỷ\ lệ\ (\%) = A/B \times 100\%$ Trong đó: + A là tổng số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của xã. Thuê bao sử	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã phối hợp với các Doanh nghiệp viễn thông tại địa phương thống kê số lượng thuê bao hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản xác nhận của UBND xã và các doanh nghiệp viễn thông (Mẫu số 02 đính kèm)

		đang hoạt động trên địa bàn đạt tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	dụng điện thoại thông minh là thuê bao sử dụng thiết bị điện thoại có khả năng truy nhập internet từ 3G trở lên. + B là tổng số thuê bao điện thoại di động của xã. Thuê bao được xác định là hoạt động trên địa bàn của xã khi thuê bao có thời gian phát sinh lưu lượng nhiều nhất tại xã đó trong kỳ báo cáo.	động trên địa bàn xã (<i>thống kê số lượng thuê bao của từng DN viễn thông hiện có trên địa bàn</i>). - Tổng hợp số liệu thống kê theo công thức đo lường, đánh giá tỷ lệ (%).	- Báo cáo kết quả đo lường, đánh giá tỷ lệ (%).
3	Dịch vụ báo chí truyền thông	a) Truyền thanh	Xã đáp ứng các điều kiện sau: 100% số thôn của xã khu vực đồng bằng có cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên; 90% số thôn của xã ở khu vực miền núi có cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên. Việc xác định “Cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên” căn cứ theo Quy chế về hoạt động của đài truyền thanh cấp xã do UBND xã ban hành.	- Tiến hành kiểm tra tình hình hoạt động của hệ thống cụm loa đang trong tình trạng hoạt động của đài truyền thanh tại các thôn trên địa bàn. - Bảng kê quy mô xã và số cụm loa đang hoạt động. - Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã.	- Biên bản kiểm tra hệ thống cụm loa của đài truyền thanh xã. - Bảng kê quy mô xã và số cụm loa. - Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã.
		b) Truyền hình	Xã đáp ứng các điều kiện sau: 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.	- Tiến hành kiểm tra, đánh giá tình hình hộ gia đình trong thôn có thu xem được truyền hình (<i>hoặc không thu xem được truyền hình</i>). - Biên bản đánh giá hiện trạng số hộ gia đình	Biên bản đánh giá hiện trạng số hộ gia đình xem được truyền hình của các thôn của xã.

				xem được truyền hình của các thôn của xã.	
		c) Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm.	Điểm cung cấp xuất bản phẩm là: Trung tâm, siêu thị, nhà sách thuộc các thành phần kinh tế tổ chức, thành lập để thực hiện phát hành thông qua một hoặc nhiều hình thức mua, bán, phân phát, tặng cho, cho thuê, cho mượn, xuất khẩu, nhập khẩu, hội chợ, triển lãm đưa xuất bản phẩm đến với người sử dụng; điểm phục vụ bưu chính có xuất bản phẩm phục vụ người đọc.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã tổ chức đánh giá, báo cáo về tình trạng, kết quả hoạt động của điểm cung cấp xuất bản phẩm trên địa bàn. - Cơ quan có thẩm quyền cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá, kết luận bằng văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chứng minh địa chỉ/địa điểm hoạt động cung cấp xuất bản phẩm (nếu có). - Văn bản quyết định thành lập đơn vị; giấy đăng ký kinh doanh (nếu có); các văn bản chứng minh cơ sở cung cấp xuất bản phẩm hoạt động hợp pháp. - Bản danh mục xuất bản phẩm của chủ thể đăng ký hoạt động (nếu có). - Văn bản kết luận của đoàn kiểm tra, đánh giá tiêu chí.
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Xã đáp ứng các điều kiện sau: Có tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các	<p>Phương pháp đo lường, đánh giá:</p> $\text{Tỷ lệ (\%)} = C/D \times 100\%$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - C là tổng số cán bộ, công chức cấp xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. - D là tổng số cán bộ, công chức cấp xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số và an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời (văn bản) tập huấn kèm theo danh sách cử cán bộ, công chức tập huấn. - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng (nếu có). - Danh sách cán bộ, công chức cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu kiểm chứng bằng kế hoạch, công văn triển khai và danh sách ký, số điện thoại ký nhận của cán bộ, công chức tham gia tập huấn.

		<p>xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và 100% đối với các xã còn lại.</p>	<p>thông tin khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đã tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin theo Chương trình bồi dưỡng do Bộ TT&TT hoặc các địa phương tổ chức hàng năm và được cơ quan tổ chức bồi dưỡng xác nhận đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng. + Đã tham gia Chương trình bồi dưỡng tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và được cơ quan tổ chức bồi dưỡng xác nhận đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng. + Đảm bảo theo các quy định tại Quyết định số 1817/QĐ-BTTTT ngày 21/9/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Chương trình bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức các xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. <p>- D là tổng số cán bộ, công chức cấp xã.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng (nếu có). - Báo cáo của đơn vị. - Danh sách cán bộ, công chức cấp xã.
--	--	--	--	--	---

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....., ngày tháng năm

XÁC NHẬN
Hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông, internet
trên địa bàn xã

Căn cứ Công văn số /STTTT-BCVT ngày .../.../... của Sở Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

UBND xã ... và Doanh nghiệp viễn thông... xác nhận hiện trạng dịch vụ viễn thông và Internet trên địa bàn xã... đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông, internet với chất lượng đảm bảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể như sau:

Stt	Tên đơn vị	Dịch vụ viễn thông		Dịch vụ truy nhập internet		Ghi chú
		Cố định	Di động	Cố định	Di động	
1	Thôn A					
2	Thôn B					
..	...					

Ghi chú: Đánh dấu (X) vào các ô có khả năng cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet (cố định, di động); nếu không đáp ứng thì ghi (0) vào các ô tương ứng.

UBND xã Và Doanh nghiệp viễn thông ... thống nhất xác nhận các nội dung như trên./.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TM. UBND XÃ ...
CHỦ TỊCH
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

Đắk Nông, ngày tháng năm

XÁC NHẬN**Số lượng thuê bao số điện thoại di động sử dụng trên địa bàn xã...**

Căn cứ Công văn số /STTTT-BCVT ngày .../.../... của Sở Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

UBND xã... và Doanh nghiệp viễn thông... xác nhận số thuê bao sử dụng Feature phone và số thuê bao sử dụng thiết bị điện thoại thông minh trên địa bàn xã... để đánh giá tỉ lệ đáp ứng thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (*tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại*), cụ thể như sau:

Stt (1)	Đơn vị (2)	Số thuê bao điện thoại di động sử dụng Feature phone (3)	Số thuê bao sử dụng điện thoại di động sử dụng thiết bị điện thoại thông minh (4)	Tổng cộng (5) (5= 3+4)
1	Thôn A			
2	Thôn B			
...	...			

UBND xã... và Doanh nghiệp viễn thông... xác nhận các nội dung trên để đơn vị làm tài liệu kiểm chứng đối với tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021-2025.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***TM. UBND XÃ ...****CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

